

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận kết quả điểm rèn luyện của sinh viên
K22, khối Sư phạm và Y – Dược năm học 2024 - 2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Bình Phước, ban hành kèm theo Quyết định số 68/QĐ-CĐBP ngày 15/04/2024 của Trường Cao đẳng Bình Phước;

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLĐT BXH ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế công tác học sinh sinh viên trong trường Trung cấp, Cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 346/QĐ-CĐBP ngày 15/9/2023 của Trường Cao đẳng Bình Phước về việc ban hành Quy chế Công tác học sinh, sinh viên;

Căn cứ Biên bản cuộc họp của Hội đồng xét kết quả học tập và rèn luyện cho học sinh, sinh, sinh viên ngày 05/6/2025 về việc xét điểm rèn luyện cho học sinh, sinh viên năm học 2024 - 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả rèn luyện năm học 2024 - 2025 cho 53 sinh viên K22, khối Sư phạm và Y - Dược Trường Cao đẳng Bình Phước (danh sách kèm theo).

Điều 2. Điểm rèn luyện toàn khóa là căn cứ để đánh giá tiến độ học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp, khen thưởng theo quy định, lưu hồ sơ và được ghi vào bảng điểm học tập cuối khóa của sinh viên.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, trưởng đơn vị có liên quan, giáo viên chủ nhiệm và sinh viên có tên trong danh sách tại **Điều 1** chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BGH (để b/c);
- Đăng website Trường;
- Lưu: VT,ĐT (Sen).

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Quang Thành



KẾT QUẢ RÈN LUYỆN (NĂM HỌC 2024 - 2025)
LỚP 22CMN.26 (BẠC CAO ĐẲNG , NGÀNH MẦM NON, KHÓA 2022-2025)

TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 1		Học kỳ 2		Cả năm		Ghi chú
				Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1	26CMN0002	Trần Thị Công Anh	26/08/2004	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
2	26CMN0003	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	28/02/2004	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
3	26CMN0005	Nguyễn Thị Thu Hà	11/06/2004	83	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
4	26CMN0006	Đinh Thị Hạnh	10/03/2004	81	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
5	26CMN0007	Trần Thị Diệu Hằng	28/11/2004	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
6	26CMN0038	Trần Thị Thu Hồng	20/12/2004	82	Tốt	84	Tốt	83	Tốt	
7	26CMN0010	Điêu Thị Khưi	05/05/2004	82	Tốt	84	Tốt	83	Tốt	
8	26CMN0011	Đào Thị Lan	08/03/2001	85	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
9	26CMN0012	Đỗ Thị Thùy Linh	07/06/1999	93	Xuất sắc	94	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
10	26CMN0013	Phạm Hải My	12/03/2004	81	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
11	26CMN0014	Nguyễn Kỳ Mỹ	07/11/2004	82	Tốt	84	Tốt	83	Tốt	
12	26CMN0015	Nguyễn Thị Kim Ngân	29/12/2004	85	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
13	26CMN0017	Nguyễn Thị Hồng Nhi	07/09/2000	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
14	26CMN0037	Lê Quỳnh Như	23/08/2004	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
15	26CMN0018	Lương Thị Ngọc Phận	16/07/2003	85	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
16	26CMN0036	Tiền Thị Thanh Phương	24/02/2003	80	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
17	26CMN0020	Trần Thị Mai Sương	25/11/2003	86	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
18	26CMN0024	Trần Ngọc Thu Thảo	04/04/2004	97	Xuất sắc	97	Xuất sắc	97	Xuất sắc	
19	26CMN0025	Thị Thu	15/02/2004	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
20	26CMN0028	Phan Nhật Băng Thư	19/02/2004	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
21	26CMN0029	Trần Thị Kim Thư	09/06/2004	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	



Handwritten signature or mark.

TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 1		Học kỳ 2		Cả năm		Ghi chú
				Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
22	26CMN0030	Nguyễn Thị Thùy Trang	09/06/2004	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
23	26CMN0021	Phan Thị Cẩm Tú	19/04/2003	81	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
24	26CMN0032	Thị Út	23/05/2004	85	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
25	26CMN0033	Điêu Thị Vân	29/08/2004	91	Xuất sắc	93	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
26	26CMN0034	Đặng Thị Thúy Vy	04/02/2004	87	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
27	26CMN0035	Nguyễn Thị Yến	20/03/2004	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
28	25CMN0017	Nông Thị Thu	06/11/2001	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
29	25CMN0007	Nguyễn Thị Bích Hạnh	27/03/2003	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	

Bảng thống kê học kỳ 2

Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Xuất sắc	5	17.24
Tốt	24	82.76
Khá	0	0.00
T.bình khá	0	0.00
Trung bình	0	0.00
Yếu	0	0.00
Tổng	29	100.00

Bảng thống kê năm học

Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Xuất sắc	5	17.24
Tốt	24	82.76
Khá	0	0.00
T.bình khá	0	0.00
Trung bình	0	0.00
Yếu	0	0.00
Tổng	29	100.00

Bình Phước, ngày 05 tháng 6 năm 2025

Người lập



Hoàng Thị Mỹ Sen





KẾT QUẢ RÈN LUYỆN (NĂM HỌC 2024 - 2025)
LỚP 22CDCQ.6 (BẠC CAO ĐẲNG, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)

TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 1		Học kỳ 2		Cả năm		Ghi chú
				Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1	K6CDS0002	Nguyễn Ngọc Anh	26/07/2003	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2	K6CDS0003	Tổng Thị Ngọc Ánh	07/11/2004	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
3	K6CDS0004	Trương Thị Thùy Dương	05/12/2004	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
4	K6CDS0006	Hoàng Thị Hương	20/07/2004	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
5	K6CDS0030	Nguyễn Ngọc Lam	06/09/2003	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
6	K6CDS0007	Thị Sa Lem	23/02/2004	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
7	K6CDS0008	Trần Thị Diệu Linh	13/04/2004	93	Xuất sắc	94	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
8	K6CDS0009	Thị Lợi	26/03/1999	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
9	K6CDS0012	Bùi Hữu Thanh Minh	22/12/2003	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
10	K6CDS0013	Lê Phước Hạnh Nguyên	27/10/2004	87	Tốt	87	Tốt	87	Tốt	
11	K6CDS0031	Lê Thị Thanh Nhân	15/09/2004	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
12	K6CDS0015	Phan Thanh Phú	10/10/1998	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
13	K6CDS0016	Nguyễn Thị Kiều Phương	14/07/2004	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
14	K6CDS0017	Đinh Thị Kim Phượng	07/07/2004	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
15	K6CDS0018	Đặng Thành Quý	01/01/2003	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
16	K6CDS0019	Lê Châu Kim Quý	28/04/2003	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
17	K6CDS0024	Đặng Nhật Thanh	10/05/2003	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
18	K6CDS0032	Lương Thị Phương Thảo	20/11/1998	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
19	K6CDS0025	Nguyễn Thị Thu Thủy	04/04/2002	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
20	K6CDS0026	Phạm Thị Thu Trang	21/01/2002	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
21	K6CDS0027	Nguyễn Kim Quế Trân	22/10/2003	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	



TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 1		Học kỳ 2		Cả năm		Ghi chú
				Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
22	K6CDS0021	Nguyễn Quốc Tuấn	28/12/2001	91	Xuất sắc	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
23	K6CDS0023	Lê Thị Minh Tuyết	26/08/2004	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
24	K6CDS0028	Nguyễn Ngọc Uyên	12/06/2004	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	

Bảng thống kê học kỳ 2

Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Xuất sắc	2	8.33
Tốt	22	91.67
Khá	0	0.00
T.bình khá	0	0.00
Trung bình	0	0.00
Yếu	0	0.00
Tổng	24	100.00

Bảng thống kê năm học

Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Xuất sắc	2	8.33
Tốt	22	91.67
Khá	0	0.00
T.bình khá	0	0.00
Trung bình	0	0.00
Yếu	0	0.00
Tổng	24	100.00

Bình Phước, ngày 05 tháng 6 năm 2025

Người lập



Hoàng Thị Mỹ Sen

